

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 905/2025/HS-PT

Ngày: 26/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Chiêu
Ông Nguyễn Văn Chương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Chính – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Lý Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1151/2025/TLPT-HS ngày 11/12/2024 do có kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Vông Bùi Đức Tông Nguyễn Văn T1 bà Hồ Thị V1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2024/HS-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử phúc thẩm số 622/2025/QĐXXPT-HS ngày 01/8/2025.

- Các bị cáo không có kháng cáo:

1. Nguyễn Đức T2, sinh năm 1964; Nơi thường trú: Thôn G, xã B, huyện T (N là xã B), Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Nguyễn Đức T3 (Đã chết); Con bà Nguyễn Thị Đ (Đã chết); V2 là Nguyễn Thị T4 và có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, ra trại ngày 31/8/2024; Vắng mặt.

2. Nguyễn Văn K, sinh năm 1974; Nơi thường trú: Thôn M, xã B, huyện T (N là xã B), Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Nguyễn Văn Q (Đã chết); Con bà Nguyễn Thị K1; V2 là Nguyễn Thị T5 và có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Vắng mặt.

3. Nguyễn Văn T6, sinh năm 1964; Nơi thường trú: Thôn M, xã B, huyện T (N là xã B), Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 07/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con

ông Nguyễn Văn B(Đã chết); Con bà Nguyễn Thị N(Đã chết); V2 là Nguyễn Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhất sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không; Vắng mặt.

4. Nguyễn Văn T7, sinh năm 1984; Nơi thường trú: Thôn M, xã B, huyện T (N là xã B), Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Nguyễn Văn T8Con bà Nguyễn Thị N1Vợ là Nguyễn Thị Việt H1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*

1. Ông Nguyễn Văn Vsinh năm 1976; Nơi thường trú: Thôn M, xã B, huyện T (N là xã B), Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Ông Bùi Đức Tsinh năm 1975; Nơi thường trú: Thôn M, xã B, huyện T (N là xã B), Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn T1sinh năm 1966; Nơi thường trú: Thôn M, xã B, huyện T (N là xã B), Thành phố Hà Nội. Có mặt.

4. Bà Hồ Thị V1, sinh năm 1988; Nơi thường trú: Thôn H, xã L, huyện Đ (N là xã T), Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn V*: Luật sư Lê Văn C– Công ty LĐoàn Luật sư Thành phố H; Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:*

1. Ông Nguyễn Hữu Psinh năm 1949; Nơi thường trú: Thôn M, xã B, huyện T (N là xã B), Thành phố Hà NộiVắng mặt.

2. Ông Nguyễn Ngọc H2sinh năm 1976; Nơi thường trú: Thôn M, xã B, huyện T (N là xã B), Thành phố Hà NộiCó mặt.

3. Ông Nguyễn Ngọc H3sinh năm 1974; Nơi thường trú: Số A, ngõ A, đường L, phường L, quận H (Nay là phường L), Thành phố Hà NộiCó mặt.

4. Ông Nguyễn Văn T9sinh năm 1984. Nơi thường trú: Thôn M, xã B, huyện T (N là xã B), Thành phố Hà NộiCó mặt.

5. Ủy ban nhân dân xã Bhuyện T, Thành phố Hà Nội (*Nay là UBND xã BThành phố Hà Nội*); Vắng mặt.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2008, do thôn Mùi chưa có nhà văn hóa để làm nơi sinh hoạt chung, thay mặt UBND xã Bích Hòa, ông Bùi Ngọc Hân – Chủ tịch UBND xã Bích Hòa đã giao Chi bộ, cán bộ thôn Mùi tìm địa điểm để xây dựng nhà văn hóa thôn. Quá trình rà soát tìm vị trí xây dựng, lãnh đạo thôn Mùi nhận thấy: Gia đình ông Nguyễn Hữu Phúc có hộ khẩu thường trú tại thôn Mùi, xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai – Thành phố Hà Nội, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P688761, cấp

ngày 29/10/2004, sổ sổ 0618, sổ thửa 70, tờ bản đồ số 05, diện tích 796 m², loại đất ở, phù hợp với việc xây dựng nhà văn hóa. Sau khi được sự nhất trí của ông Phúc, ngày 10/01/2009, Hội nghị quân dân chính thôn Mùi đã nhất trí việc đổi đất Đồng Cháy cho gia đình ông Nguyễn Hữu Phúc để lấy đất nhà ông Phúc xây dựng nhà văn hóa thôn. Sau đó, lãnh đạo thôn đã trích nội dung hội nghị trên và báo cáo trình UBND xã Bích Hoà xem xét.

Ngày 02/3/2009, thay mặt UBND xã Bích Hoà, ông Bùi Ngọc Hân ký tờ trình số 04/TTr-UBND về việc xin chuyển đổi 796 m² trong đó 540 m² đất nông nghiệp, 256 m² đất chuyên dùng ở khu vực Đồng Cháy sang đất ở để thôn Mùi đổi trả đất cho ông Nguyễn Hữu Phúc và thôn Mùi lấy đất của ông Phúc xây dựng nhà văn hóa. Xét đề nghị của UBND xã Bích Hoà, ngày 10/6/2009, UBND huyện Thanh Oai có Văn bản số 284/UBND- TNMT với nội dung *“Về chủ trương, UBND huyện nhất trí với đề nghị của UBND xã Bích Hoà về việc đổi đất xây dựng bia tưởng niệm Bác Hồ và nhà văn hóa thôn Mùi. Giao UBND xã Bích Hoà căn cứ vào Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; chủ động phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường, các ngành, cơ quan chức năng hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi quyền sử dụng đất trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.”*

Ngày 21/6/2009 và ngày 22/6/2009, khi chưa hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi quyền sử dụng đất, chưa có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền, đại diện UBND xã Bích Hoà, lãnh đạo thôn Mùi và ông Nguyễn Hữu Phúc đã tự ý thống nhất việc đổi 796 m² đất ở của gia đình ông Phúc sang 796 m² đất thuộc khu vực rãnh ruộng Đồng Cháy. Do thực trạng đất thổ cư của ông Phúc chỉ còn 689 m² (ông Phúc đã cho cháu họ Nguyễn Văn Du sử dụng 107 m² đất), nên lãnh đạo thôn Mùi và ông Phúc thống nhất thỏa thuận: ông Phúc sở hữu 689 m² tại Đồng Cháy (đông giáp ruộng Đồng Cháy, Tây giáp bờ mương N3, Nam giáp đất ruộng của thôn, Bắc giáp đất ruộng thôn Giữa), thôn sở hữu 107 m² tại Đồng Cháy (Đông giáp ruộng Đồng Cháy, Tây giáp bờ mương N3, Nam giáp ruộng của thôn, Bắc giáp đất của ông Phúc)...

Ngày 25/6/2009, ông Bùi Ngọc Hân, ông Nguyễn Văn Tuế - Bí thư chi bộ, ông Nguyễn Văn Tụ - Trưởng thôn Mùi, ông Nguyễn Văn Tinh – Địa chính xã, cùng các ban, ngành, đoàn thể thôn Mùi và ông Nguyễn Hữu Phúc thực hiện bàn giao thửa đất ở của gia đình ông Phúc (phần diện tích còn lại sau khi đã trừ diện tích 107 m² ông Phúc đã cho ông Nguyễn Văn Du) cho thôn Mùi xây dựng nhà văn hóa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P688761 của hộ ông Nguyễn Hữu Phúc giao cho cán bộ địa chính xã quản lý. Cùng ngày, UBND xã Bích Hoà và đại diện thôn Mùi cũng đã giao cho hộ ông Phúc 796 m² ở Đồng Cháy, xã Bích Hoà.

Đến năm 2010, trong các cuộc họp toàn dân thôn Mùi, nhiều ý kiến nhân dân không nhất trí việc xây dựng nhà văn hóa trên diện tích đất đã đổi của ông Phúc nữa, mà đề nghị xã phải giải quyết cho thôn diện tích đất rộng hơn để thôn xây dựng nhà văn hóa.

Tại cuộc họp chi bộ thôn Mùi, ngày 14/5/2010, Nguyễn Đức Thành Chủ tịch UBND xã tham gia và đã có ý kiến *“việc phản đối xây dựng nhà văn hóa ở đất*

ông Phúc chỉ một số người trong dòng họ. Xã ủng hộ việc xây dựng nhà văn hóa ở đất đã đổi, xã tạo điều kiện giúp thôn bằng cách này hay cách khác thanh lý một số khu đất tạo kinh phí nhưng cốt không có khiếu kiện. Xây dựng nhà văn hóa ở đất thôn đã đổi cho ông Phúc là phù hợp nếu khuôn viên hẹp thôn vận động đổi thêm...”

Ngày 12/9/2010, tại trụ sở UBND xã Bích Hòa, Chủ tọa là Nguyễn Đức Thành đã làm việc với lãnh đạo thôn Mùi về việc xây dựng bổ sung phòng học trường mầm non sân gò chùa. Tại cuộc họp, Lãnh đạo thôn Mùi cũng đưa ra ý kiến đề nghị không xây dựng nhà văn hóa thôn Mùi trên diện tích đất của gia đình ông P mà chuyển ra xây dựng tại khu vực cửa C. Kết thúc hội nghị, T đã kết luận *“Thống nhất cho thôn quy hoạch nhà văn hóa thôn ra cửa C. Công tác giải phóng mặt bằng thôn tự giải quyết”*.

Ngày 13/9/2010, T tham gia hội nghị họp nhân dân ở thôn M. Tại cuộc họp, T đã nhất trí theo đề xuất nguyện vọng của nhân dân là xây dựng nhà văn hóa ra khu vực cửa chùa, giao cho thôn lên kế hoạch chuyển đổi đất để có diện tích ở cửa chùa xây nhà văn hóa thôn, trình UBND xã để điều chỉnh quy hoạch và chuẩn y cho T7 (hiện Nhà văn H đã xây dựng và khánh thành năm 2017). Sau cuộc họp trên, diện tích đất ông P đã đổi cho thôn, thôn tiếp tục trông nom và sử dụng. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên vẫn do địa chính, UBND xã B lưu giữ, quản lý.

Tại thời điểm này, do không có chủ trương về việc Nhà nước cấp toàn bộ nguồn kinh phí xây dựng nhà văn hóa thôn, nên UBND xã khuyến khích thôn M tự tìm nguồn kinh phí xã hội hóa. Tuy nhiên, do kinh phí xây dựng lớn, thôn không tìm được nguồn, nên việc xây dựng nhà văn hóa thôn M chưa thực hiện được.

Ngày 31/3/2011, Nguyễn Đức T – Chủ tịch UBND xã B, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thành Đ – Cán bộ địa chính xã B, đã ký xác nhận việc gia đình ông Nguyễn Hữu P chia cho ông Nguyễn Văn S (chú ruột ông P) 250 m² tại khu vực Đ.

Ngày 15/3/2013, Nguyễn Văn V, sinh năm 1976, trú tại thôn M, B có đơn gửi Nguyễn Văn K, sinh năm 1974 (*đang là trưởng thôn Mùi*) đề nghị được chuộc lại thửa đất mà gia đình ông P đã đổi cho thôn, để V làm nơi thờ cúng và V tự nguyện xung quỹ cho thôn là 3 triệu đồng/m², để thôn lấy kinh phí xây dựng công trình phúc lợi.

Nhận thấy việc V đề nghị chuộc đất như trên sẽ có tiền xây dựng nhà văn hóa thôn, nên Nguyễn Văn K đã bàn bạc với Nguyễn Văn T2, sinh năm 1964, là Bí thư chi bộ thôn M đưa nội dung trên ra hội nghị chi bộ và hội nghị quân dân chính lấy ý kiến tham khảo của nhân dân. Tuyến nhất trí, nên ngày 21/3/2013, T2 tổ chức hội nghị họp quân dân chính để triển khai một số nhiệm vụ của thôn. Tại hội nghị, K đưa nội dung xem xét đơn của V ra họp bàn và được hội nghị đưa đến thống nhất cho gia đình V chuộc đất, cũng như chấp nhận việc V xung quỹ cho thôn với mức là 03 triệu/m².

Ngày 26/3/2013, tại hội nghị kiện toàn chức danh Trưởng thôn Mùi, Nguyễn Văn K cũng đưa ra trước hội nghị bàn bạc xem xét giải quyết nội dung đơn đề nghị

chuộc đất của V và cũng thống nhất “Nhất trí cho gia đình anh V chuộc lại thửa đất mà thôn đã đổi cho gia đình ông Phúc H1 (thửa đất có diện tích trên 600 m²) và nhất trí cho gia đình anh V tự nguyện xung quỹ cho thôn là 3 triệu đồng/1 m². Tiền xung quỹ của gia đình anh V cho thôn giao cho ban lãnh đạo thôn tiếp nhận để sử dụng vào việc xây dựng nhà văn hóa thôn và các công trình phúc lợi trong thôn, khi chưa sử dụng phải gửi vào ngân hàng. Giao cho ban lãnh đạo thôn chịu trách nhiệm tiếp nhận tiền và giao thửa đất cho gia đình anh V sử dụng.”

Sau các cuộc họp trên, K nhiều lần trực tiếp báo cáo bằng miệng với T về việc xin UBND xã cho xây dựng nhà văn hóa thôn, nguồn kinh phí xây dựng sẽ lấy từ số tiền Vũ chuộc đất, thì được T yêu cầu K phải họp bàn kỹ với nhân dân để được sự nhất trí của toàn dân.

Căn cứ kết quả các buổi họp dân, khoảng tháng 5/2013, lãnh đạo thôn M đã tiến hành giao cho Nguyễn Văn V diện tích còn lại của thửa đất số 70, tờ bản đồ số 05, xã B đo đạc năm 1996 sau khi trừ đi diện tích 107 m² ông Nguyễn Văn D cháu ông P sử dụng. Tổng số tiền thôn yêu cầu V nộp là khoảng hơn 2.000.000.000 đồng.

Đến ngày 04/6/2013, V đã nộp cho thôn 500.000.000 đồng, nhưng V không tiếp tục nộp nữa, nên tại các cuộc họp chi bộ thôn M, T2 đã yêu cầu K đôn đốc việc V trả tiền cho thôn. Sau đó, K nhiều lần đến nhà V yêu cầu V trả tiền nhưng Vũ khất do không có tiền và cũng đề nghị thôn tạo điều kiện để V chuyển nhượng một phần thửa đất lấy tiền trả thôn.

Khoảng tháng 10/2013, V tìm được người mua đất là ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1984, đang thuê trọ tại thôn M, muốn mua đất để ở ổn định. V cùng T3 đã đến UBND xã B hỏi về thủ tục chuyển nhượng, thì được Nguyễn Văn T4, là cán bộ địa chính xã B cung cấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang do Ban địa chính xã B giữ, đồng thời, T4 cũng hướng dẫn V các quy trình để hoàn thiện hồ sơ, yêu cầu V nộp kèm sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân của các thành viên trong hộ ông P và T3. Sau đó, V nộp cho T4 các giấy tờ liên quan đến Nguyễn Văn T3, T4 nhờ K lấy các giấy tờ của gia đình ông P.

Sau khi nhận được các giấy tờ cần thiết, T4 báo cáo với T việc V là người chuộc đất mà gia đình ông P đã đổi cho thôn, do V không có tiền trả thôn để thôn xây dựng nhà văn hoá, nên V muốn chuyển nhượng 120 m² đất trong diện tích đất này cho Nguyễn Văn T3. T nhất trí và bảo T4 hoàn thiện hồ sơ giấy tờ cho V. Để tiện cho việc hoàn thiện hồ sơ chuyển nhượng đất cho Nguyễn Văn T3, T4 đã tự tay viết toàn bộ giấy chuyển quyền sử dụng đất, đơn xin tách thửa đất, biên bản xác định mốc giới đất... Khiêm trực tiếp ký tên của ông P và anh Nguyễn Ngọc H2 (con ông P) vào một số tờ trong hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên.

Đến ngày 07/8/2014, T4 hoàn thiện toàn bộ hồ sơ chuyển nhượng. Ngày 11/8/2014, ông Nguyễn Đức T – Nguyên chủ tịch UBND xã ký chứng thực vào hồ sơ chuyển nhượng. Ngày 14/8/2014, hồ sơ được chuyển đến Văn phòng đăng ký QSDĐ UBND huyện T. Ngày 04/9/2014, Văn phòng đăng ký QSDĐ đã hoàn thiện

các thủ tục và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T3 với tổng diện tích là 120 m².

Tính đến ngày 11/4/2015, V đã nộp cho thôn Mù 950.000.000 đồng, được chia thành 04 lần, các lần đều có giấy biên nhận tiền có chữ ký của V, K, T2, cùng các ban ngành đoàn thể trong thôn M. Năm 2016, sau khi có chủ trương của UBND huyện T về việc đầu tư xây dựng nhà văn hóa thôn, UBND xã B tiến hành xây dựng nhà văn hóa thôn M từ nguồn kinh phí được cấp. Nguồn tiền do V nộp, không sử dụng xây dựng nhà văn hóa, thôn đã đem gửi ngân hàng. Sau đó, số tiền V nộp và lãi được thôn M sử dụng vào việc mua sắm tài sản sử dụng trong nhà văn hóa (khoảng 737.500.000 đồng), xây ngõ V1 (200.000.000 đồng) và còn lại 150.000.000 đồng, đã được thủ quỹ thôn M tiếp tục gửi Ngân hàng N tại xã B lấy lãi.

Ngày 01/3/2018, bà Nguyễn Thị B, thủ quỹ thôn M đã nộp số tiền 150.000.000 đồng nêu trên vào tài khoản của Thanh tra huyện T. Ngày 14/5/2018, UBND xã B đã nộp số tiền 200.000.000 đồng (*tiền xây ngõ V*) vào tài khoản của Thanh tra huyện T.

Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra hiện trạng đất tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 05, xác định: Trên diện tích đất thôn giao cho V, ngoài Nguyễn Văn T3 đã xây nhà 03 tầng trên 120 m² đất, thì cuối năm 2014, V cũng đã chuyển nhượng 50 m² đất cho ông Bùi Đức T5, sinh năm 1975, quê quán thôn H, xã N, tỉnh Nam Định. Năm 2016, V cũng đã chuyển nhượng 57 m² cho ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1966, quê quán xã Đ, huyện Ứ (không bao gồm ngõ đi) nhưng chưa hoàn thiện các thủ tục chuyển nhượng. Hiện anh T5, anh T6 đã xây nhà cấp 4 trên diện tích đất trên. Bản thân V đang sử dụng 339 m², trong đó, V đã xây nhà cấp 4 trên diện tích 282 m².

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 65 KL/ĐGTS ngày 12/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: “Đất ở trong thửa đất số 70, tờ bản đồ số 05, nay thuộc thôn M, xã B, huyện T tại thời điểm theo giá thị trường tháng 6/2013 như sau: (689m² đất x 6.200.000 đồng/m²) = 4.271.800.000 đồng.”

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03 KL/ĐGTS ngày 09/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: “Đất ở trong thửa đất số 381, diện tích 120m² (tách từ thửa đất số 70, tờ bản đồ số 05, thuộc thôn M, xã B, huyện T) tại thời điểm theo giá thị trường tại địa phương tháng 8/2014 như sau: (120m² đất x 6.200.000 đồng/m²) = 744.000.000 đồng.”

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 39 KL/ĐGTS ngày 16/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

“1./ Hộ ông: Nguyễn Văn V: Công trình xây dựng năm 2013.

- 01 ngôi nhà ở cấp 4, nhà gồm ba gian. Mái lợp sông cầu, vì kèo, dầm mè bằng gỗ, tường Tiền xây gạch 220, tường H3 xây gạch 110. Diện tích (9,8 x 6,6)m = 64,68m². (64,68m² x 2.710.000 đồng/m²) x 60% giá trị còn lại = 105.169.600 đồng

- Nhà tạm giáp đầu hồi nhà ở, nhà lợp một mái, vì kèo bằng sắt, mái lợp tôn mỏng đã cũ. Diện tích $(6,1 \times 6,6)m = 40,26m^2$.

$(40,26m^2 \times 979.000\text{đồng}/m^2) \times 40\%$ giá trị còn lại = 15.765.800 đồng

- Nhà vệ sinh mái đổ bê tông tại chỗ, tường xây gạch. Diện tích $(3,1 \times 1,7)m = 5,27m^2$.

$(5,27m^2 \times 1.277.000\text{đồng}/m^2) \times 60\%$ giá trị còn lại = 4.037.800 đồng.

- Bể nước xây bằng gạch chi. Diện tích $(2,35 \times 1,75)m \times 1,5m = 6,16m^3$
 $(6,16m^3 \times 2.656.000\text{đồng}/m^3) \times 40\%$ giá trị còn lại = 6.544.300 đồng.

- Tường bao xây bằng gạch 110 bổ trụ gồm 3 đoạn.

Diện tích $(20,3m \times 1,5m) = 30,45m^2$.

$(30,45m^2 \times 610.000\text{đồng}/m^2) \times 40\%$ giá trị còn lại = 7.429.800 đồng

- Cổng ra vào mái lợp ngói, cánh cổng bằng sắt hộp.

Diện tích $(2,4 \times 2,3)m = 5,5m^2$.

$(5,5m^2 \times 476.000\text{đồng}/m^2) \times 40\%$ giá trị còn lại = 1.047.200 đồng.

- Sân lát gạch đỏ $(40 \times 40)cm$. Diện tích $(10,2 \times 8,9)m = 90,78m^2$.

$(90,78m^2 \times 253.000\text{đồng}/m^2) \times 40\%$ giá trị còn lại = 9.186.900 đồng.

Tổng giá trị tài sản hộ ông V là: 149.181.400 đồng.

Bằng chữ: (Một trăm bốn chín triệu, một trăm tám mươi một ngàn, bốn trăm đồng).

2./ Hộ ông: Bùi Đức T5: Công trình xây dựng năm 2014.

01 (một) ngôi nhà cấp 4, tường xây gạch 110 bổ trụ, mái lợp tôn xộp chống nóng, nền lát gạch men, vì kèo, đòn tay bằng sắt, cửa trước là cửa cuốn và 01 gác xép vật liệu xà gồ bằng sắt hộp, ván gỗ ghép (Nhà làm một mái và công trình phụ khép kín).

+ Diện tích nhà ở chính $(9,6 \times 5,2)m = 49,92m^2$.

$(49,92m^2 \times 1557.000\text{đồng}/m^2) \times 67\%$ giá trị còn lại = 52.076.000 đồng.

+ Gác xép (nằm trong nhà chính) diện tích $(5,2 \times 3,2)m = 16,64m^2$

$(16,64m^2 \times 414.000\text{đồng}/m^2) \times 50\%$ giá trị còn lại = 3.444.400 đồng.

- Phần ngõ đi và phần sân trước cửa nhà được đổ bê tông tại chỗ diện tích $(5,2 \times 2,5)m + (2,0 \times 11,7)m = 36,4m^2$.

$(36,4m^2 \times 264.000\text{đồng}/m^2) \times 50\%$ giá trị còn lại = 4.804.800 đồng

Cửa cổng phía ngoài ngõ làm bằng sắt hộp đã hoen gỉ.

Diện tích $(1,4m \times 2,2)m = 3,08m^2$.

$(3,08m^2 \times 476.000\text{đồng}/m^2) \times 40\%$ giá trị còn lại = 586.400 đồng

Tổng giá trị tài sản hộ ông T5 là: 60.911.600 đồng. Bằng chữ: (Sáu mươi triệu chín trăm mười một ngàn, sáu trăm đồng).

3./ Hộ ông: Nguyễn Văn T6: Công trình xây dựng năm 2016.

- 01 (một) ngôi nhà cấp 4, tường xây gạch 110 bổ trụ, mái lợp tôn xộp chống nóng, nền lát gạch men, vì kèo, đòn tay bằng sắt hộp. và 01 gác xép nằm trong nhà chính vật liệu xà gồ bằng gỗ, lát ván gỗ công nghiệp. (Nhà làm một mái và công trình phụ khép kín).

+ Diện tích nhà ở chính $(5,8 \times 8,3)m = 48,14m^2$.

$(48,14\text{m}^2 \times 1557.000 \text{ đồng/m}^2) \times 80\%$ giá trị còn lại = 59.963.100 đồng
 + Diện tích gác xép $(3,4 \times 2,3)\text{m} = 7,82\text{m}^2$.
 $(7,82\text{m}^2 \times 414.000 \text{ đồng/m}^2) \times 70\%$ giá trị còn lại = 2.266.200 đồng.
 Sân lát gạch đỏ $(40 \times 40)\text{cm}$. Diện tích $(3,2 \times 3,2)\text{m} = 10,24\text{m}^2$
 $(10,24\text{m}^2 \times 253.000 \text{ đồng/m}^2) \times 70\%$ giá trị còn lại = 1.813.500 đồng.

- Cổng sắt sân gạch diện tích $1,4\text{m} \times 2,0\text{m} = 2,8\text{m}^2$
 $(2,8\text{m} \times 476.000 \text{ đồng/m}^2) \times 40\%$ giá trị còn lại = 533.100 đồng
 Tổng giá trị tài sản hộ ông T6 là: 64.575.900 đồng; Bằng chữ: (Sáu mươi tư triệu năm trăm bảy lăm ngàn, chín trăm đồng).

4./ Hộ ông: Nguyễn Văn T3: Công trình xây dựng năm 2017.
 * Khu nhà 4 tầng gồm các tài sản sau:
 - 01 (một) ngôi nhà 4 tầng, nhà khung xây gạch. Diện tích 01 sàn $55,2\text{m}^2$.
 Tổng diện tích (chiều dài $13,8 \times$ chiều rộng 4m) x 4 tầng = $220,8\text{m}^2$. Trong đó: 03 tầng mái đổ bê tông tại chỗ diện tích $(13,8 \times 4)\text{m} \times 3$ tầng = $165,6\text{m}^2$.
 $(165,6\text{m}^2 \times 5393.000 \text{ đồng/m}^2) \times 92\%$ giá trị còn lại = 821.634.300 đồng
 01 tầng tum (tầng 4) mái lợp tôn chống nóng vì kèo sắt diện tích $(13,8 \times 4)\text{m} = 55,2\text{m}^2$.
 $(55,2\text{m}^2 \times 1241.000 \text{ đồng/m}^2) \times 87\%$ giá trị còn lại = 59.597.700 đồng.
 01 mái vẩy trước cửa nhà lợp tôn xộp, khung bằng sắt. Diện tích $(1,2 \times 4)\text{m} = 4,8\text{m}^2$.
 $(4,8\text{m}^2 \times 400.000 \text{ đồng/m}^2) \times 80\%$ giá trị còn lại = 1.536.000 đồng.
 - Cổng sắt làm bằng sắt hộp, hai cánh diện tích $(2,2 \times 2,2)\text{m} = 4,84\text{m}^2$.
 $(4,84\text{m}^2 \times 476.000 \text{ đồng/m}^2) \times 80\%$ giá trị còn lại = 1.843.000 đồng
 Cộng giá trị tài sản khu 4 tầng: 884.611.000 đồng.

- * Khu đất bên cạnh nhà 4 tầng của ông T3 xây dựng gồm các tài sản
 01 nhà tạm mái lợp tôn hình cong sát với ngõ đi, vì kèo, xà gồ bằng sắt, cột trổng bằng sắt. Diện tích: $(4,2 \times 2,8)\text{m} = 11,76\text{m}^2$.
 $(11,76\text{m}^2 \times 400.000 \text{ đồng/m}^2) \times 80\%$ giá trị còn lại = 3.763.200 đồng.
 - Tường bao xây gạch 110 bờ trụ không chất. Diện tích chiều dài $17,8\text{m}$, chiều cao $1,5\text{m} = 26,7\text{m}^2$.
 $(26,7\text{m}^2 \times 610.000 \text{ đồng/m}^2) \times 80\%$ giá trị còn lại = 13.029.600 đồng. Tổng tài sản trên đất cạnh khu D tầng: 16.792.800 đồng
 Tổng giá trị tài sản 02 khu hộ ông T3 là: $(884.611.000 \text{ đồng} + 16.792.800 \text{ đồng}) = 901.403.800 \text{ đồng}$. Bằng chữ: (Chín trăm linh một triệu, bốn trăm lẻ ba ngàn, tám trăm đồng) Tổng giá trị tài sản của 4 hộ là: 1.176.072.700 đồng; Số tiền ghi bằng chữ: (Một tỷ một trăm bảy sáu triệu, không trăm bảy hai ngàn, bảy trăm đồng).

Tại bản kết luận giám định số 6584/KLGD-PC54 (Đ4) ngày 17/8/2018 của Phòng K1 Công an T8 kết luận:

“1. Chữ ký dạng viết tên “P”, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Hữu P dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A6) với chữ ký, chữ viết đứng

tên Nguyễn Hữu P trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2) không phải là chữ do cùng một người ký và viết ra.

2. Chữ ký dạng viết tên “H2”, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Ngọc H2 dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ 43 đến 45) với chữ ký, chữ viết đúng tên Nguyễn Ngọc H2 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M3, M4) không phải là chữ do cùng một người ký và viết ra.

3. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Ngọc H4 dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ 43 đến 45) với chữ ký, chữ viết đúng tên Nguyễn Ngọc H4 trên mẫu so sánh (Ký hiệu M5) không phải là chữ do cùng một người ký và viết ra.

4. Chữ ký dạng viết tên “P”, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Hữu P dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ 43 đến 46); Chữ ký dạng viết tên H2”, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Hữu H5 dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A3 đến 45) là chữ ký do người có mẫu chữ ký, chữ viết đúng tên Nguyễn Văn K trên các mẫu cần so sánh (Ký hiệu M6, M7) viết ra.

5. Chữ ký dạng viết tên “P”, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Hữu P dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1, A2); Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Ngọc H4 dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A3 đến 45) không phải là chữ do những người có mẫu chữ ký, chữ viết đúng tên Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T3 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M6 đến M13) ký và viết ra.

Cáo trạng số 14/CT-VKS, ngày 04/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai truy tố Nguyễn Đức Thành, Nguyễn Văn Khiêm, Nguyễn Văn Tuyên, Nguyễn Văn T4 về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo khoản 2, 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2019/HSST ngày 29.10.2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T4 phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 356, điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 BLHS 2015 Xử phạt: Nguyễn Đức T 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 356, điểm v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 BLHS 2015 Xử phạt: Nguyễn Văn T2 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 356, điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 BLHS 2015 Xử phạt: Nguyễn Văn K 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356, điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 BLHS 2015 Xử phạt: Nguyễn Văn T4 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 123 BLDS 2015, xử:

+ Hủy việc đổi đất và bàn giao đất tại thửa số 70 tờ bản đồ số 05 và khu vực Đ giữa gia đình ông Nguyễn Hữu P và UBND xã B, thôn M. Về hậu quả pháp lý tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

+ Hủy việc mua bán đất giữa thôn M và Nguyễn Văn V. Buộc Nguyễn Văn V phải trả lại diện tích đã nhận tại thửa số 70 cho UBND xã B. Buộc UBND xã B phải hoàn trả cho Nguyễn Văn V số tiền 406.657.000 đồng chi mua sắm vật dụng, trang thiết bị nhà văn hoá thôn M các bị cáo T, T2, K, T4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Văn V cùng liên đới chịu trách nhiệm đối với số tiền 193.343.000 đồng chi phục vụ các công việc trong thôn V. Mỗi bị cáo hoàn trả cho Nguyễn Văn V số tiền 38.668.600 đồng.

+ Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đối với 120m2 đất tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 05, thuộc thôn M, xã B giữa hộ ông Nguyễn Hữu P và ông Nguyễn Văn T3. Về hậu quả pháp lý tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Kiến nghị UBND huyện T thu hồi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS085240 và số BS085239 ngày 04/9/2014, đã cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Hữu P và ông Nguyễn Văn T3.

+ Hủy việc mua bán đất tại thửa số 70, tờ bản đồ số 05 giữa ông Nguyễn Văn V và ông Bùi Đức T5, giữa ông Nguyễn Văn V và ông Nguyễn Văn T6. Hai bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

(Đối với những giao dịch dân sự vô hiệu tuyên hủy nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án dân sự khác)

** Do các bị cáo kháng cáo, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 283/2021/HSPT ngày 16/4/2021, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã xét xử:*

I. Về hình sự:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 356, điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt: Nguyễn Đức T 33 (ba mươi ba) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong thi hành công vụ”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 3 Điều 356, điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt: Nguyễn Văn T2 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong thi hành công vụ” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 356, điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt: Nguyễn Văn K 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong thi hành công vụ” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

II. Về dân sự: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng Hình sự; Hủy một phần bản án sơ thẩm về phần dân sự. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại phần dân sự theo thủ tục chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm, phúc thẩm còn tuyên về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Quá trình giải quyết phần dân sự của vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai nhận được yêu cầu của bà Hồ Thị V2, sinh năm 1988, trú tại: H, L, Đ, Thành phố Hà Nội, bà Hồ Thị V2 trình bày: Năm 2015, bà Hồ Thị V2 đã mua của ông Nguyễn Văn V 60 m² đất tại thôn M, xã B, huyện T, Thành phố Hà Nội nên đề nghị được tham gia tố tụng để giải quyết bảo đảm quyền lợi.

Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai đã ra Quyết định 01/ ngày 28/7/2024 trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai yêu cầu điều tra bổ sung người mua đất là bà Hồ Thị V2 và yêu cầu đưa UBND huyện T và bà Hồ Thị V2 vào tham gia tố tụng, yêu cầu định giá tài sản tại thời điểm hiện tại.

Tại Công văn số 44/HĐĐGTS ngày 26/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T không định giá tài sản là 02 thửa đất trên với lý do: Tài sản trên có giá thị trường biến động thường xuyên, vượt ngoài phạm vi hiểu biết của Hội đồng và Hội đồng không có căn cứ để áp giá thị trường.

Về xác minh quy hoạch sử dụng đất đối với diện tích 689 m² đất tại Đ, xã B mà UBND xã B và thôn M, xã B đổi cho gia đình ông Nguyễn Hữu P thể hiện:

+ Ngày 26/10/2023, Cơ quan CSĐT – Công an huyện T đã làm việc, xác minh tại UBND xã B xác minh về quy hoạch đối với thửa đất. UBND xã B cung cấp như sau: Về vị trí thửa đất: Một phần nằm trong thửa số 316 và 375 tờ bản đồ số 03 tỷ lệ 1/2000 xã B và một phần là đất rãnh tưới tiêu thuộc tờ bản đồ số 03 tỷ lệ 1/2000 xã B. Tại trang 101, 103 sổ mục kê năm 1996 thể hiện thửa đất số 316 và 375 là đất nông nghiệp. Về quy hoạch sử dụng đất: UBND xã B chỉ còn lưu giữ Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 của UBND về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã B đến năm 2030. Tại Quyết định này thể hiện diện tích 689 m² đất tại Đ gia đình ông Nguyễn Hữu P đang quản lý, sử dụng có quy hoạch là đất dự trữ (Nằm trong quy hoạch dọc đường T, B về phía đông, từ đường H, X đến sông H).

+ Ngày 02/11/2023, Cơ quan CSĐT – Công an huyện T đã làm việc, xác minh tại Phòng Tài nguyên và môi trường UBND huyện T được cung cấp như sau: Do diện tích 689 m² đất tại Đ gia đình ông Nguyễn Hữu P đang quản lý, sử dụng một phần là đất nông nghiệp, một phần là đất rãnh tưới tiêu nên trên bản đồ chỉ thể hiện các thửa chung không thể hiện số đo các cạnh cụ thể đối với phần đất do gia đình ông Nguyễn Hữu P quản lý, sử dụng. Do đó, khi đối chiếu vào Quyết định số 3489/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 về việc duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện T thể hiện: Thửa đất số 375, tờ bản đồ số 3, tỷ lệ 1/2000 xã Bích được quy hoạch 1 phần là đất văn hóa, diện tích 433,5 m², phần diện tích còn lại 1.454,0 m² thể hiện hiện trạng là đất LUC (Lúa). Thửa đất số 316, tờ bản đồ số 3, tỷ lệ 1/2000 xã B trong bản đồ quy hoạch thể hiện hiện trạng là đất LUC (Lúa). Năm 2021, UBND Thành phố H ban hành quyết định số 5167/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện T,

Thành phố Hà Nội, tại quyết định này diện tích đất gia đình ông Nguyễn Hữu P đang quản lý, sử dụng tại Đ nằm trong vùng được quy hoạch là đất ODT (đất ở đô thị).

** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2024/HSST ngày 11/09/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội: Áp dụng Điều 122, Điều 127, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:*

1. Giữ nguyên hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa thôn M, UBND xã B và ông Nguyễn Hữu P. Kiến nghị UBND xã B, UBND huyện T tiếp tục hoàn thiện thủ tục chuyển đổi 689 m² quyền sử dụng đất tại khu Đ, xã B, huyện T, Thành phố Hà Nội giữa hộ gia đình ông Nguyễn Hữu P và UBND xã B, huyện T theo quy định của pháp luật.

2. Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa thôn M, UBND xã B và ông Nguyễn Văn V lập các ngày 21/3/2013, 26/3/2013 (thể hiện trong các Biên bản họp quân dân chính ngày 21/3/2013 và Biên bản hội nghị kiện toàn chức danh trưởng thôn Mùi ngày 26/3/2013) vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Văn V và những người đang ở trên đất phải bàn giao thửa đất số 70, tờ bản đồ số 5 tại thôn M, B, T, Hà Nội cho Ủy ban nhân dân huyện T. Giao thửa đất số 70, tờ bản đồ số 5 tại thôn M, B, T, Hà Nội cho Ủy ban nhân dân huyện T quản lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Buộc UBND xã B có trách nhiệm thanh toán trả ông Nguyễn Văn V số tiền 950.000.000 đồng; Anh V3 đã nhận 350.000.000 đồng; UBND xã B còn phải trả anh V3 số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Kiến nghị UBND huyện T khi giải quyết, chuyển nhượng thửa đất số 70, tờ bản đồ số 5 tại Thôn M, xã B, T, Hà Nội cần ưu tiên những người đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Kiến nghị UBND huyện T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P688761 do UBND huyện T cấp ngày 29/10/2004 cho hộ ông Nguyễn Hữu P tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 5 tại thôn M, B, T, Hà Nội;

4. Kiến nghị UBND huyện T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 085239 do UBND huyện T cấp ngày 04/9/2014 cho ông Nguyễn Văn T3 tại thửa đất số 381 (tách từ thửa 70), tờ bản đồ số 05, diện tích 120m² tại thôn M, B, T, Hà Nội;

5. Hậu quả hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu do các bên không yêu cầu giải quyết, do vậy không xem xét trong vụ án này.

6. Các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn V với ông Nguyễn Văn T3, ông Bùi Đức T5, ông Nguyễn Văn T6, bà Hồ Thị V2 tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 5 tại thôn M, B, T, Hà Nội là các giao dịch dân sự độc lập, các bên đương sự được quyền khởi kiện trong vụ án khác nếu có tranh chấp.

7. Về án phí: Ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000đ án phí dân sự về hợp đồng vô hiệu; UBND xã B phải chịu 28.000.000 đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/9/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V có đơn kháng cáo đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (hoặc áp dụng khoản 3 Điều 140 Luật Đất đai năm 2024) công nhận thửa đất ông Nguyễn Văn V được giao tại thời điểm tháng 5 năm 2013 do mua của thôn M thuộc trường hợp cá nhân đang sử dụng đất được giao không đúng thẩm quyền và kiến nghị UBND huyện T tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông V.

Ngày 16,17/10/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Đức T5, ông Nguyễn Văn T6, bà Hồ Thị V2 có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội nhận định đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về hình thức.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn V, Bùi Đức T5, Nguyễn Văn T6, Hồ Thị V2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2024/HSST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hà Nội) các nội dung tại mục 2:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T4 phải liên đới thanh toán trả ông Nguyễn Văn V số tiền 600.000.000 đồng. Tại phiên tòa: ông Nguyễn Văn V tự nguyện không nhận lại số tiền 600.000.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện này của anh V.

- Kiến nghị UBND huyện T khi giải quyết vụ án liên quan đến thửa đất số 70, tờ bản đồ số 5 tại Thôn M, xã B, T, Hà Nội cần ưu tiên những người đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất theo quy định của pháp luật.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn V ông Nguyễn Văn T3, ông Bùi Đức T5, ông Nguyễn Văn T6, bà Hồ Thị V2 giữ nguyên nội dung đề nghị được tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Ông Nguyễn Văn V tự nguyện không yêu cầu UBND xã B (Nay là UBND xã B) hoặc các bị cáo phải trả lại số tiền 600.000.000 đồng.

- Luật sư Lê Văn C bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn V trình bày quan điểm: Nguồn gốc thửa đất là của ông, bà ngoại ông Nguyễn Văn V bị thu hồi từ thời cải cách ruộng đất, nên ông V đã đề nghị được chuộc lại thửa đất. Nhiều hội nghị Chi bộ, hội nghị quân dân chính lấy ý kiến của nhân dân đều nhất trí cho gia đình ông Nguyễn Văn V chuộc lại thửa đất mà thôn đã đổi cho gia đình ông Nguyễn Hữu P với giá 3.000.000 đồng/m² để lấy tiền xây dựng nhà văn hóa thôn M. Ông Nguyễn Văn V đã nộp cho thôn mùi số tiền 950.000.000 đồng vì lý do chính quyền thôn cam kết là hoàn thành các thủ tục giấy tờ hợp lệ; sau đó ông V tiến hành xây dựng, quản lý, sử dụng thửa đất ổn định đến nay. Giao dịch của ông V với chính quyền thôn M là hoàn toàn ngay tình, hợp pháp, không có lỗi. Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 3 Điều 140 Luật Đất đai năm 2024 công nhận thửa đất ông Nguyễn Văn V được giao tại thời điểm tháng 5 năm 2013 do mua của thôn M thuộc trường hợp cá nhân đang sử dụng đất không đúng thẩm quyền và kiến nghị UBND xã B tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo là hợp lệ, được chấp nhận về hình thức.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tìm địa điểm xây dựng nhà văn hoá thôn M, tháng 6/2009, UBND xã B và thôn M đã tổ chức nhiều cuộc họp thôn, thống nhất việc đổi 789 m² đất nông nghiệp khu vực Đ, xã B lấy 789 m² đất ở đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Hữu P để xây dựng nhà văn hoá thôn M. Do thực trạng đất thổ cư của ông Nguyễn Hữu P chỉ còn 689 m² (Ông Nguyễn Hữu P đã cho cháu họ Nguyễn Văn D sử dụng 107 m² đất) nên lãnh đạo thôn M và ông P thống nhất thỏa thuận chỉ đổi cho ông Nguyễn Hữu P 689 m² tại Đ.

Tuy nhiên, sau đó diện tích đất nhận chuyển đổi từ ông Nguyễn Hữu P không sử dụng xây nhà văn hoá thôn M nữa, mà để thôn tiếp tục sử dụng, việc xây dựng nhà văn hoá được quy hoạch ra khu vực C, xã B. Đến tháng 10/2013, để có nguồn kinh phí xây dựng nhà văn hoá thôn M, Nguyễn Văn T2 (Nguyên là Bí thư Chi bộ thôn M), Nguyễn Văn K (Nguyên là Trưởng thôn M), tuy biết bản thân cũng như thôn Mùi và UBND xã B không có thẩm quyền bán đất, nhưng đã tổ chức nhiều cuộc họp thôn để bàn bạc, thống nhất bán trái phép thửa đất có nguồn gốc nhận chuyển đổi từ ông Nguyễn Hữu P cho ông Nguyễn Văn V, thu tiền cho thôn M

950.000.000 đồng. Nguyễn Đức T (Nguyên là Chủ tịch UBND xã B) đã hợp thức hóa việc thôn M bán đất bằng việc đề Nguyễn Văn T4 (Nguyên cán bộ địa chính xã B) hoàn thiện hồ sơ chuyển quyền sử dụng 120 m² đất do ông Nguyễn Hữu P đứng tên cho ông Nguyễn Văn T3 để ký duyệt trình UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T3.

Sau khi đổi đất, ông Nguyễn Hữu P đã quản lý, sử dụng và quây hàng rào quanh thửa đất; ông Nguyễn Văn V sử dụng ổn định từ năm 2013 đến nay, đã chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T3, ông Bùi Đức T5, ông Nguyễn Văn T6, bà Hồ Thị V2 và những người này đều xây dựng nhà và các công trình kiên cố trên đất, đồng thời ông Nguyễn Văn V đã cắt một phần thửa đất làm ngõ đi chung cho các hộ dân nhận chuyển quyền sử dụng đất phía trong.

[3] Xét kháng cáo và những nội dung liên quan:

^[3.1] *Về giao dịch chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa thôn M, xã B và ông Nguyễn Hữu P:* Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây thiệt hại cho Nhà nước là mất đi quyền sử dụng thửa đất đã chuyển đổi với gia đình ông Nguyễn Hữu P. Tuy nhiên, thửa đất hiện nay do gia đình ông Nguyễn Hữu P nhận chuyển đổi đã sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch đất ở theo Quyết định số 5167/QĐ-UBND ngày 06/12/2021, của UBND Thành phố H về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện T, Thành phố Hà Nội, tại quyết định này diện tích đất gia đình ông Nguyễn Hữu P đang quản lý, sử dụng tại Đ nằm trong vùng được quy hoạch là đất ODT (đất ở đô thị).

Xét hợp đồng chuyển đổi giữa UBND xã B và ông Nguyễn Hữu P được thực hiện tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, việc không hoàn tất được thủ tục chuyển đổi không phải lỗi của người dân. Hiện nay, diện tích đất ông Nguyễn Hữu P đã chuyển đổi không còn do hành vi phạm tội của các bị cáo. Ông Nguyễn Hữu P được xác định là ngay tình sử dụng thửa đất đã nhận chuyển đổi.

Do đó, giữ nguyên hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa thôn M, Ủy ban nhân dân xã B và ông Nguyễn Hữu P. Ông Nguyễn Hữu P được tiếp tục sử dụng thửa đất tại khu đồng Cháy, xã B, huyện T, Thành phố Hà Nội (Nay là xã B, Thành phố Hà Nội) và được quyền đăng ký kê khai, làm thủ tục để đề nghị có quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

^[3.2] *Về giao dịch chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa thôn M, xã B và ông Nguyễn Văn V:*

Năm 2010, trên cơ sở đề nghị của nhân dân thôn M, Chủ tịch UBND xã B đã đồng ý chuyển địa điểm, xây nhà văn hóa thôn ra khu vực C và nhân dân thôn M phải tự tìm nguồn kinh phí xã hội hóa xây nhà văn hóa. Đất nhận chuyển đổi từ ông Nguyễn Hữu P vẫn giao cho thôn M quản lý. Để có tiền xây dựng nhà văn hóa, nhiều hội nghị Chi bộ và hội nghị quân dân chính lấy ý kiến của nhân dân, hội nghị đều thống nhất cao việc bán đất lấy tiền xây nhà văn hóa (đối tượng không hạn chế) và Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T2 với danh nghĩa đại diện chính quyền

thôn M cùng Nguyễn Đức T là Chủ tịch UBND xã B đã thống nhất cho ông Nguyễn Văn V (chuộc đất) theo giá 3.000.000/m² với thôn M và UBND xã B. Ông Nguyễn Văn V đã thanh toán một phần số tiền là 950.000.000 đồng và đã được giao đất từ tháng 5/2013 để quản lý sử dụng đến nay. Việc UBND xã B và thôn M giao đất cho ông Nguyễn Văn V theo hình thức “chuộc” đất là vi phạm quy định về giao đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai 1993, vô hiệu theo quy định tại Điều 122, Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2005. Như vậy, căn cứ xác lập quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn V nhận chuyển nhượng theo hợp đồng là trái pháp luật.

Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm số 84/2024/HSST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội tuyên buộc ông Nguyễn Văn V trả lại UBND xã Bích Hòa quyền sử dụng thửa đất số 70, tờ bản đồ số 5, bản chất là thu hồi đất do vi phạm pháp luật là không phù hợp. Việc thu hồi đất do hành vi vi phạm pháp luật sẽ được cơ quan quản lý hành chính nhà nước về đất đai thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý hành chính. Theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền, cơ quan quản lý hành chính nhà nước nếu xét thấy phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thì có thể áp dụng Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, nay là Điều 140 Luật Đất đai năm 2024 để xem xét công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do giao trái thẩm quyền nhằm ổn định chính trị tại địa phương và đảm bảo quyền lợi của những người đang trực tiếp sử dụng thửa đất. Từ những nhận định trên cần sửa quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

- Ủy ban nhân dân xã B (*Nay là UBND xã B*), Thành phố Hà Nội thực hiện chức năng xử lý hậu quả đối với diện tích đất phát sinh từ vi phạm pháp luật hiện do ông Nguyễn Văn V, ông Bùi Đức T5, ông Nguyễn Văn T6, bà Hồ Thị V2 **quản lý sử dụng**.

- Ông Nguyễn Văn V và những người đang ở trên đất có nghĩa vụ chấp hành các biện pháp hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý đối với thửa đất số 70, tờ bản đồ số 5 tại thôn M, xã B (N là xã B), Thành phố Hà Nội.

^{13.31} Bản án sơ thẩm số 84/2024/HSST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội tuyên: “*Buộc UBND xã B có trách nhiệm thanh toán trả ông Nguyễn Văn V số tiền 950.000.000 đồng; Anh V3 đã nhận 350.000.000 đồng; UBND xã B còn phải trả anh V3 số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng)*”:

Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự quy định: người phạm tội phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội cũng không thuộc trường hợp được áp dụng Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước hay Bộ luật Dân sự để buộc cơ quan nhà nước là UBND xã B phải bồi thường, thanh toán thay cho các bị cáo.

Tuy nhiên, Bản án hình sự sơ thẩm không buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại, mà buộc UBND xã B thanh toán cho ông Nguyễn Văn V 950.000.000 đồng là không đúng quy định pháp luật. Ông Nguyễn Văn V đã nộp

số tiền 950.000.000 đồng và đã nhận lại 350.000.000 đồng, còn 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn V tự nguyện không yêu cầu UBND xã B (Nay là UBND xã B) hoặc các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T4 phải liên đới bồi thường số tiền 600.000.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận ý chí tự nguyện của ông Nguyễn Văn V.

Do Ủy ban nhân dân xã B (Nay là Ủy ban nhân dân xã B) không phải chịu nghĩa vụ trả 600.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn V nên không phải chịu 28.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

^[3.4] *Đối với giao dịch giữa ông Nguyễn Văn V và những người liên quan:* Đây là giao dịch dân sự, dành quyền khởi kiện liên quan đến giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu giữa ông Nguyễn Văn V và những người liên quan ông Nguyễn Văn T3, ông Bùi Đức T5, ông Nguyễn Văn T6, bà Hồ Thị V2 trong vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[4] Về án phí:

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Ủy ban nhân dân xã B (Nay là Ủy ban nhân dân xã B), Thành phố Hà Nội không phải chịu 28.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự, sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2024/HS-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hà Nội), cụ thể:

Áp dụng Điều 122, Điều 123, Điều 133, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 140 Luật Đất đai năm 2024; Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Xử:

[1] Giữ nguyên hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa thôn M, Ủy ban nhân dân xã B và ông Nguyễn Hữu P.

Ông Nguyễn Hữu P được quyền đăng ký kê khai, làm thủ tục với cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 689 m² tại khu Đ, xã B, huyện T (N là xã B), Thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

[2] Xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa thôn M, Ủy ban nhân dân xã B và ông Nguyễn Văn V lập các ngày 21/3/2013, 26/3/2013 (thể hiện trong các biên bản họp quân dân chính ngày 21/3/2013 và biên bản hội nghị kiện toàn chức danh trưởng thôn Mùi ngày 26/3/2013) vô hiệu.

- Ủy ban nhân dân xã B (Nay là Ủy ban nhân dân xã B), Thành phố Hà Nội thực hiện chức năng xử lý hậu quả đối với diện tích đất phát sinh từ vi phạm pháp

luật hiện do ông Nguyễn Văn V, ông Bùi Đức T5, ông Nguyễn Văn T6, bà Hồ Thị V2 quản lý sử dụng.

- Ông Nguyễn Văn V và những người đang ở trên đất có nghĩa vụ chấp hành các biện pháp hành chính khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý đối với thửa đất số 70, tờ bản đồ số 5 tại thôn M, xã B, huyện T (N là xã B), Thành phố Hà Nội.

Kiến nghị UBND xã B (*Nay là Ủy ban nhân dân xã B*), Thành phố Hà Nội khi giải quyết, chuyển nhượng thửa đất số 70, tờ bản đồ số 5 tại Thôn M, xã B, huyện T (N là xã B), Thành phố Hà Nội cần ưu tiên những người đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3] Ghi nhận ý chí tự nguyện của ông Nguyễn Văn V không yêu cầu UBND xã B (*Nay là UBND xã B*), Thành phố Hà Nội trả lại hoặc Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T4 phải liên đới bồi thường số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng.

[4] UBND xã B (*Nay là Ủy ban nhân dân xã B*) có trách nhiệm xử lý đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P688761 do UBND huyện T cấp ngày 29/10/2004 cho hộ ông Nguyễn Hữu P tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 5 tại thôn M, xã B, huyện T (N là xã B), Thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 085239 do UBND huyện T cấp ngày 04/9/2014 cho ông Nguyễn Văn T3 tại thửa đất số 381 (tách từ thửa 70), tờ bản đồ số 05, diện tích 120 m² tại thôn M, xã B, huyện T, Thành phố Hà Nội.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Nguyễn Văn V, ông Bùi Đức T5, ông Nguyễn Văn T6, bà Hồ Thị V2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Ủy ban nhân dân xã B (*Nay là Ủy ban nhân dân xã B*), Thành phố Hà Nội không phải nộp 28.000.000 (Hai mươi tám triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Về hiệu lực thi hành bản án: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hà Nội;
- CQCSĐT Công an Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 6 – Hà Nội;
- TAND khu vực 6 – Hà Nội;
- THADS khu vực 6 – Hà Nội;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Hiếu